

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

S : 23/2009/Q -UBND

Roch Giá, ngày 26 tháng 8 năm 2009

QUY ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình
năm 2015 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2006/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện chính sách dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 78/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 2015 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy định này Quy định về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 2015 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 26/2006/Q -UBND ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Ủy

ban nhân dân tỉnh và Ủy ban hành Chính tỉnh thực hiện chính sách dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2006 - 2010.

ĐIỀU 3. Ông Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc các sở, Trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan tổ chức có liên quan và các cá nhân có trong Quy định trên có trách nhiệm thi hành Quy định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Bùi Ngọc Sĩ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 2015
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, tiêu chí phát triển dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 2015

1. Giảm tỷ suất sinh thô, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 1,13%, phấn đấu thực hiện thay thế vào năm 2010 và quy mô dân số đạt 1,8 triệu người. Từ năm 2011 - 2015, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,2 - 0,3%, duy trì mức sinh thay thế hàng năm.

2. Giảm tỉ lệ tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Phấn đấu năm 2010 tỉ lệ giới tính khi sinh đạt dưới 108 trẻ em trai/100 trẻ em gái khi sinh và sau năm 2010 tỉ lệ này tiếp tục giảm xuống dưới 105 trẻ em trai/100 trẻ em gái.

3. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 18% vào năm 2010, từ năm 2011 - 2015 giảm 1%. Giảm tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi từ 0,5% - 1%/năm đến năm 2015. Giảm tỉ lệ đẻ non, đẻ thấp cân nặng khi sinh. Giảm tỷ lệ trẻ sơ sinh cân nặng dưới 2.500gr còn 6% vào năm 2010 và giảm 0,5% trở lên (2011 - 2015).

4. Phấn đấu giảm (2009 - 2010) 5% số xã, phường, thị trấn có tỷ lệ sinh con lớn thừa ba trở lên dưới 5% và tăng 5% số xã, phường, thị trấn không có tỷ lệ sinh con thừa ba trở lên (2011 - 2015).

Điều 2. Quy định về số con của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân (áp dụng cho cả vợ và chồng): xây dựng quy mô gia đình ít con (có 1 hoặc 2 con). Tỷ lệ trung bình mỗi lần sinh con lần lượt tăng lên mức tối thiểu 0,5% và 1% (năm 2009 - 2010); mức tối thiểu 1% - 1,5% (năm 2011 - 2015).

Chương II **QUY ĐỊNH CHI TIẾT**

Điều 3. Chính sách khuyến khích và hỗ trợ thực hiện kế hoạch hóa gia đình

Ngoài khoản tiền bồi dưỡng cho người sinh đẻ và người đẻ trứng, a r c người sinh đẻ ở Trung ương, ngân sách tỉnh sẽ chi bồi dưỡng thêm như sau:

1. Bồi dưỡng cho người sinh đẻ 500.000 /cas (năm triệu đồng).
2. Chi phí xe cho người sinh đẻ: chi phí tính theo số km thực công tác phí tính nhân với phụ thu thuế và người lái.
3. Chi bồi dưỡng cho người đẻ trứng 200.000 /cas người sinh đẻ.
4. Chi phí xe cho người đẻ trứng: chi phí tính theo số km thực công tác phí tính nhân với phụ thu thuế và người lái.

Điều 4. Chính sách nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe dân số

1. Nam, nữ trước khi kết hôn cần khám sức khỏe và tư vấn tics y tế công lập trên địa bàn tỉnh. Giao Giám đốc Sở Y tế hướng dẫn các địa phương chi trả.

2. Giảm thiểu các yếu tố làm mất cân bằng giới tính khi sinh, cấm mọi hành vi lựa chọn giới tính khi sinh.

3. Chăm sóc người cao tuổi: ngoài chính sách do Nhà nước quy định, ngân sách tỉnh chi trợ cấp tối thiểu như sau:

- a) Từ 90 tuổi trở lên đến 100 tuổi: 100.000 /tháng/năm (mười triệu đồng).
- b) Từ 100 tuổi trở lên: 200.000 /tháng/năm (hai triệu đồng).

đ i u 5. Chính sách khuyến khích công nhân thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình

1. Chính sách khuyến khích vật chất:

a) Đối với xã, phường, thị trấn trong năm thực hiện tuyên truyền các công trình trong tuần sinh hoạt “Không có người sinh con thứ ba trở lên” thì công trình 3.000.000 (ba triệu đồng); sinh con thứ ba trở lên dưới 5% thì công trình 1.000.000 (một triệu đồng). Tiền thưởng công trình chi trả trực tiếp cho Ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và công tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình.

b) Đối với ấp, khu phố trong năm thực hiện tuyên truyền, thực hiện các công trình trong tuần sinh hoạt “Không có người sinh con thứ ba trở lên” thì công trình 600.000 (sáu trăm ngàn đồng). Tiền thưởng công trình chi trả trực tiếp cho công tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình và những người trực tiếp tham gia thực hiện.

c) Đối với cá nhân là công tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình trong năm thực hiện công trình trong tuần sinh hoạt “Không có người sinh con thứ ba trở lên” trong xã, phường, thị trấn thì công trình 100.000 (một trăm ngàn đồng). Giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn, quy trình đăng ký, xét và phúc tra xét thưởng.

d) Thù lao cho công tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình: ngoài chính sách của Trung ương, hàng năm ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm cho công tác viên vật chất hàng tháng bằng 0,2 mức lương tối thiểu hiện hành đối với các xã, phường, thị trấn và 0,15% mức lương tối thiểu hiện hành đối với các xã, phường, thị trấn còn lại.

2. Chính sách khuyến khích tinh thần: công trình thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, nuôi dạy con tốt, khi nghỉ hưu tặng tuần sinh hoạt công trình chính quy định số buổi đồng. Nội dung hình thức buổi đồng giao cho Giám đốc Ủy ban nhân dân.

đ i u 6. Xử lý vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình

Mức phạt hàng vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình ưu tiên xử lý nghiêm theo quy định hiện hành.

Chương III
KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các chính sách trong Quy định này do bố trí hàng năm từ ngân sách tỉnh.

2. Kinh phí bồi dưỡng cho người lãnh sự, xe cho người lãnh sự, xe cho người và bồi dưỡng người vợ người lãnh sự; chính sách ưu đãi lao động cho công nhân viên chức thực hiện kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành. Các chính sách cho gia đình, cá nhân thực hiện theo các tiêu chuẩn do xét duyệt vào cụ thể minh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thực hiện và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các Quy định này. Nếu có phát sinh vướng mắc, khó khăn, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho, xử lý.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHÍNH THỨC

Bùi Ngọc Sơn